DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No. 2)

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision:** 3575 **/QĐ – VPCNCLQG ngày** 20 **tháng** 11 **năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	**Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng**
Laboratory:	***Faculty Medical Test - Imaging Diagnostics - Functional Exploration***
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	**Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên**
Organization:	***Center for Disease Control - Health service of Thai Nguyen province***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 706**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Sinh, Hóa**
Field:	***Biological, Chemical***
Người quản lý:	**Vi Thị Chuyên**
Laboratory manager:	***Vi Thi Chuyen***
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** *20 / 11* **/2026 đến ngày 20/10/2029**
Địa chỉ: *Address*:	**Số 971, đường Dương Tự Minh, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên** ***No. 971, Duong Tu Minh Street, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen Province***
Địa điểm: *Location:*	**Số 96 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên** ***No. 96, Nguyen Thi Minh Khai Street, Duc Xuan Ward, Thai Nguyen Province***
Điện thoại/ *Tel*:	**0986.470.826**
Email:	**chuyenvt.ksbt@thainguyen.gov.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh
Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Nước sạch, nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai và đá thực phẩm** ***Domestic water, bottled drinking water, bottled natural mineral water and food ice***	Định lượng khuẩn đường ruột (*Streptococci feacal*) Phương pháp màng lọc *Enumeration of intestinal enterococci (Streptococci feacal)* *Membrane filtration method*		TCVN 6189-2:2009
2.		Định lượng bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit (Clostridia) Phương pháp màng lọc *Enumeration of the spores of sulfite - reducing anaerobes (Clostridia)* *Membrane filtration method*		TCVN 6191-2:1996
3.		Định lượng *Pseudomonas aeruginosa* Phương pháp màng lọc *Enumeration of Pseudomonas aeruginosa* *Membrane filtration method*		TCVN 8881:2011
4.		Định lượng Coliforms và *E. coli* Phương pháp màng lọc *Enumeration of Coliforms and Escherichia Coli* *Membrane filtration method*		TCVN 6187-1:2019
5.	**Thực phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe** ***Food and health supplement***	Định lượng Coliform Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất *Enumeration of coliforms* *Most probable number technique.*		TCVN 4882:2007
6.		Định lượng *E. coli* giả định Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất *Enumeration of presumptive E. coli* *Most probable number technique*		TCVN 6846:2007
7.		Định lượng vi sinh vật tổng số Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30 ºC *Enumeration of microorganisms* *Colony count technique at 30 °C*		TCVN 4884-1:2015

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
8.	**Thực phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe** ***Food and health supplement***	Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase (*Staphylococcus aureus* và các loài khác*)* Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker *Enumeration of coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species)* *Technique using Baird-Parker agar medium*		TCVN 4830-1:2005

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Nước sạch** ***Domestic water***	Xác định độ pH *Determination of pH value*	2 ~ 12	TCVN 6492:2011
2.		Xác định chỉ số pecmanganat Phương pháp chuẩn độ *Determination of permanganate index* *Titration method*	1 mg O_2/L	TCVN 6186:1996
3.		Xác định tổng Canxi và Magie Phương pháp chuẩn độ EDTA *Determination of total Calcium and Magnesium* *EDTA titrimetric method*	5 mg $CaCO_3$/L	TCVN 6224:1996
4.		Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat *Determination of Chloride content* *Silver nitrate titration with chromate indicator*	5 mg/L	TCVN 6194:1996
5.	**Nước sạch, Nước đá dùng liền** ***Domestic water, edible ice***	Xác định hàm lượng Clo tổng số Phương pháp chuẩn độ iot *Determination of total Chlorine content* *Iodometric titration method*	0,75 mg/L	TCVN 6225-3:2011
6.	**Bánh nướng, kẹo** ***Baked mooncake, candy***	Xác định độ ẩm Phương pháp sấy *Determination of moisture* *Drying method*		TCVN 4069:2009
	Miến ***Glass noodle***			TCVN 7879:2008
	Nấm hương khô ***Dried lentinula edodes***			TCVN 10918:2015
7.	**Rượu chưng cất** ***Distilled liquors***	Xác định hàm lượng methanol Phương pháp so màu *Determination of methanol content* *Colorimetric method*	0,01 %	TCVN 8010:2009

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
8.	**Kẹo** ***Candy***	Xác định hàm lượng Acid Phương pháp chuẩn độ *Determination of Acid content* *Titration method*	0,2 %	TCVN 4073:2009
9.	**Bia** ***Beer***	Xác định hàm lượng Acid Phương pháp chuẩn độ *Determination of Acid content* *Titration method*	0,2 %	TCVN 5564:2009

Ghi chú/ *Note*

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese National Standards*

Trường hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Center for Disease Control - Health service of Thai Nguyen province that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

